

QUY ĐỊNH

về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy định thi hành Điều lệ Đảng;
 - Căn cứ Quy định số 377-QĐ/TW, ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ;
 - Căn cứ Quy định số 368-QĐ/TW, ngày 08/9/2025 của Bộ Chính trị về danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị;
 - Căn cứ Hướng dẫn số 45-HD/BTCTW, ngày 21/11/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về một số nội dung Quy định số 377-QĐ/TW của Bộ Chính trị;
 - Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa I, nhiệm kỳ 2025-2030;
 - Căn cứ Quy định số 06-QĐ/TU, ngày 21/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị tỉnh Lai Châu;
 - Căn cứ Quy định số 12-QĐ/TU, ngày 12/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ,
- Ban Thường vụ Đảng ủy quy định về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm, thẩm quyền trong quản lý cán bộ và nguyên tắc, trách nhiệm, thẩm quyền, tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục, quy trình quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, biệt phái, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ.

2. Quy định này áp dụng đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị của xã.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Đảng, bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan công khai, minh bạch trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ.

2. Bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tổng thể, liên thông trong công tác cán bộ của Đảng; đánh giá cán bộ thường xuyên, khách quan, công tâm, chính xác; quy hoạch, lựa chọn và bố trí đúng cán bộ; thực hiện có hiệu quả cơ chế "có vào, có ra, có lên, có xuống" trong công tác cán bộ; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tiễn đặt ra.

3. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác cán bộ; bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ, chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ trong giai đoạn mới, gắn bó mật thiết với Nhân dân.

Điều 3. Nguyên tắc

Đảng ủy lãnh đạo tổ chức thực hiện các nguyên tắc của Đảng trong công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ:

1. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ:

- Đề ra đường lối, chủ trương, chính sách, tiêu chuẩn, quy chế, quy định về công tác cán bộ và lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thông qua các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị; trực tiếp quản lý đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các ngành, các cấp.

- Phân công, phân cấp công tác quản lý cán bộ, quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử cho các cấp ủy, tổ chức đảng; đồng thời thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện của các ngành, các cấp.

2. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định, đồng thời phát huy đầy đủ trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và cá nhân liên quan, trước hết là người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ:

- Những vấn đề về đường lối, chủ trương, chính sách, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; phong, thăng quân hàm; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ

chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ phải do cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo có thẩm quyền thảo luận dân chủ, quyết định theo đa số. Trường hợp ý kiến của người đứng đầu và ý kiến của tập thể cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị khác nhau thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm đề xuất và tổ chức thực hiện quyết định của tập thể về công tác cán bộ và cán bộ trong phạm vi được phân công phụ trách.

- Cán bộ, đảng viên phải chấp hành, thực hiện nghị quyết, quyết định của cấp ủy, tổ chức đảng; cấp ủy cấp dưới phải chấp hành quyết định của cấp ủy cấp trên về công tác cán bộ và cán bộ.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Công tác cán bộ là các đường lối, chủ trương, chính sách, quy định về phân cấp quản lý, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chế độ, chính sách; kiểm tra, kiểm soát, giám sát,... đối với cán bộ nhằm lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ.

2. Phân cấp quản lý cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền phân cấp hoặc ủy quyền cho các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị tham gia hoặc trực tiếp quản lý một số khâu trong công tác cán bộ đối với chức danh cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý hoặc quyết định các khâu trong công tác cán bộ đối với chức danh cán bộ thuộc diện các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị quản lý theo quy định.

3. Bổ nhiệm cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ vào chức vụ cao hơn, tương đương hoặc thấp hơn chức vụ đang đảm nhiệm (khi cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ hoặc do sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy).

4. Quy hoạch cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền quy hoạch cán bộ vào chức danh cao hơn chức vụ đang đảm nhiệm.

5. Cho thôi giữ chức vụ là quyết định của cấp có thẩm quyền cho cán bộ chấm dứt chức vụ đang đảm nhiệm để bố trí công tác khác hoặc nghỉ công tác, nghỉ hưu (không bao gồm các trường hợp được bổ nhiệm, điều động, luân chuyển hoặc bố trí công tác khác theo yêu cầu công tác cán bộ).

6. Từ chức là việc cán bộ tự nguyện xin thôi giữ chức vụ đang đảm nhiệm khi chưa hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm và được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

7. Miễn nhiệm là quyết định của cấp có thẩm quyền chấm dứt chức vụ đang đảm nhiệm đối với cán bộ nhưng chưa đến mức cách chức.

8. Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, gây dư luận xấu trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, làm giảm uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

9. Vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, gây dư luận xấu, rất bức xúc trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, làm mất uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

10. Tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền dừng việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao của cán bộ trong một thời hạn nhất định. Tạm đình chỉ công tác không phải là hình thức kỷ luật.

11. Đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền đưa cán bộ ra khỏi quy hoạch chức danh đã được phê duyệt quy hoạch.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÁN BỘ

Điều 5. Nội dung

1. Phân cấp quản lý cán bộ.
2. Đánh giá cán bộ.
3. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.
4. Tuyển chọn, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ.
5. Khen thưởng, kỷ luật cán bộ.
6. Thực hiện chế độ, chính sách cán bộ.
7. Kiểm tra, kiểm soát, giám sát việc thực hiện nội dung phân cấp, ủy quyền trong công tác cán bộ.
8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác cán bộ và cán bộ.

Điều 6. Trách nhiệm quản lý và quyết định đối với cán bộ

1. Ban Chấp hành Đảng bộ xã định hướng và quyết định các chủ trương, nội dung quan trọng về công tác cán bộ và cán bộ theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ xã.

2. Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy quản lý, trực tiếp quyết định một số nội dung trong công tác cán bộ; phân công, phân cấp cho các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị cấp dưới quyết định một số nội dung trong công tác cán bộ đối với các chức danh lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý và các chức danh cán bộ khác. Ban Thường vụ Đảng ủy ủy quyền cho Thường trực Đảng ủy, Thường trực HĐND, tập thể lãnh đạo UBND, các cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới quyết định một số khâu, nội dung trong công tác cán bộ.

3. Cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ công tác, sinh hoạt đảng ở địa phương, cơ quan, đơn vị, trong đó có cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý và chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về phạm vi được phân cấp, ủy quyền trong quản lý cán bộ. Cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu có trách nhiệm định kỳ báo cáo cấp trên về tình hình đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên theo quy định hiện hành về phân cấp quản lý.

4. Trường hợp một người đồng thời đảm nhiệm nhiều chức vụ thuộc thẩm quyền quản lý của các cấp khác nhau thì cấp quản lý chức vụ cao nhất xem xét, quyết định.

5. Các cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát, lấy phiếu tín nhiệm theo quy định; xem xét, quyết định hoặc đề nghị khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ được phân cấp quản lý hoặc trong phạm vi được phân công phụ trách.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Chấp hành Đảng bộ xã

1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương, của tỉnh về công tác cán bộ và cán bộ tại địa phương.

2. Trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhân sự ứng cử các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư đảng ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND cấp xã; nhân sự chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ.

3. Trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh, quyết định số lượng Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên UBKT Đảng ủy. Khi cần thiết, đề nghị Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến tăng thêm số lượng Ủy viên Ban Chấp hành; điều chỉnh cơ cấu Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy ngoài cơ cấu Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy được xác định theo quy định của tỉnh.

4. Bầu Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư, UBKT (Ủy viên UBKT), Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy.

5. Giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc nhân sự được đề nghị chỉ định vào Ban Chấp hành đảng bộ; nhân sự ứng cử vào Ban Thường vụ Đảng ủy.

6. Giới thiệu nhân sự để HĐND bầu giữ chức Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND.

7. Tham gia ý kiến đối với nhân sự Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND trước khi Ban Thường vụ giới thiệu để HĐND bầu.

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thường vụ Đảng ủy

1. Quyết định phân công công tác đối với các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy.

2. Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ công tác, đình chỉ chức vụ, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm; đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND; trưởng ban, phó trưởng ban và tương đương; trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy viên UBKT Đảng ủy.

3. Chuẩn bị nhân sự để Ban Chấp hành đảng bộ xem xét, trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giới thiệu ứng cử các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư đảng ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND; chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ.

4. Chuẩn bị nhân sự trình Ban Chấp hành đảng bộ xem xét, giới thiệu Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy.

5. Đề nghị Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác; cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền quyết định của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy công tác tại địa phương. Cho ý kiến về nhân sự dự kiến điều động, luân chuyển về địa phương khi có yêu cầu của tỉnh.

6. Xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh về nhân sự Chủ tịch UBND xã; xin ý kiến Đảng ủy HĐND tỉnh về nhân sự Chủ tịch HĐND xã trước khi trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

7. Xin ý kiến thẩm định của Ban Tổ chức Tỉnh ủy đối với nhân sự Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND xã, phường trước khi giới thiệu bầu cử theo quy định.

8. Chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Quân sự tỉnh kiện toàn ban chỉ huy quân sự cấp xã.

9. Nắm chắc tình hình, chủ động phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng của Tỉnh ủy trong công tác quản lý cán bộ; hướng dẫn và tham mưu, xử lý kịp thời những sai phạm, hạn chế, khuyết điểm, vướng mắc hoặc những vấn đề phát sinh trong công tác cán bộ ở địa phương.

10. Căn cứ Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, quyết định phân cấp quản lý cán bộ đối với các cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan, đơn vị trực thuộc.

11. Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng trong phạm vi phụ trách.

12. Chỉ định bổ sung cấp ủy viên; giới thiệu bầu Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư cấp ủy trực thuộc; chỉ định hoặc thí điểm chỉ định Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư, ủy ban kiểm tra, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm UBKT cấp ủy trực thuộc theo quy định.

13. Giao quyền cấp trưởng các phòng, ban cấp xã; quyền Bí thư các chi, đảng bộ trực thuộc hoặc phụ trách Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

14. Đề nghị khen thưởng đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ hoặc Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập (các hạng), Huân chương Lao động (các hạng), Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước.

15. Tham gia ý kiến với:

- Các cơ quan ngành dọc có đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn về đánh giá, quy hoạch, bố trí, bổ nhiệm, từ chức, miễn nhiệm, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ cấp trưởng thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của cơ quan ngành dọc công tác và sinh hoạt đảng tại địa phương.

- Ban Thường vụ Đảng ủy Công an tỉnh về nhân sự Trưởng Công an, Phó Trưởng Công an cấp xã.

- Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh về giới thiệu nhân sự chỉ định tham gia Ban Chấp hành đảng bộ khu vực phòng thủ; Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng, trợ lý Ban Chỉ huy Quân sự xã.

Điều 9. Ban Thường vụ Đảng ủy ủy quyền cho Thường trực Đảng ủy quyết định

1. Cho chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, điều động, luân chuyển, biệt phái, cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác, từ chức, miễn nhiệm đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Thường vụ Đảng ủy nêu tại mục I, Phụ lục 1.

2. Quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, giới thiệu tái cử, điều động, luân chuyển, biệt phái, cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, cách chức và thực hiện chính sách đối với các chức danh nêu tại khoản 1, mục II, Phụ lục 1.

3. Thông báo đề cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý công tác ở cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã chuẩn bị thủ tục bổ nhiệm lại theo quy định.

4. Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung, thâm niên nghề, ưu đãi nghề đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý công tác ở cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

5. Đề nghị chuyển ngạch, bổ nhiệm ngạch và xếp lương (sau khi hết thời gian tập sự) đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã. Đề nghị nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung, chuyển ngạch, bổ nhiệm ngạch đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (Bí thư, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy).

6. Quyết định đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý tham gia các ban chỉ đạo cấp xã do Ban Thường vụ Đảng ủy thành lập.

7. Khi cần thiết giao cán bộ phụ trách cơ quan, đơn vị trong thời gian chưa kiện toàn chức danh cấp trưởng; đảng viên phụ trách chi, đảng bộ trong thời gian chưa kiện toàn được Bí thư.

8. Chuẩn y Ban Chấp hành (Chi ủy), Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Ủy viên UBKT các chi, đảng bộ trực thuộc xã.

9. Thông báo và quyết định nghỉ chế độ hưởng bảo hiểm xã hội, thôi việc đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý theo quy định của pháp luật.

10. Chỉ đạo công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cán bộ; tổ chức phúng viếng, tang lễ đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý theo quy định.

11. Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ (đương nhiệm và quy hoạch) diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý giai đoạn và hằng năm. Phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm của Trung tâm Chính trị. Quyết định cử cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định; cử cán bộ, công chức, viên chức đi học Trung cấp lý luận chính trị, Đại học, thạc sĩ và tương đương. Đề nghị Thường trực Tỉnh ủy cho cán bộ, công chức, viên chức xã đi học cao cấp lý luận chính trị, tiến sĩ và tương đương.

12. Xem xét, đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy:

- Tiếp nhận các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP, ngày 30/6/2025 của Chính phủ vào làm công chức các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

- Quyết định tiếp nhận, điều động, xếp ngạch đối với công chức, xếp hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

13. Công bố quyết định bổ nhiệm; quyết định nghỉ hưu (*chức danh cấp trưởng, phó*) đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý ở các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

14. Cho ý kiến:

- Nhân sự của xã tham gia Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Ban Chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh theo quy định.

- Các cơ quan ngành dọc có đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn về đánh giá, quy hoạch, bố trí, bổ nhiệm, từ chức, miễn nhiệm, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ cấp phó thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của cơ quan ngành dọc công tác và sinh hoạt đảng tại địa phương.

- Tăng thêm số lượng Ủy viên Ban Chấp hành theo quy định của Điều lệ Đảng; điều chỉnh cơ cấu Ban Chấp hành, Chi ủy, Ban Thường vụ các chi, đảng bộ trực thuộc xã.

- Đề nghị khen thưởng đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý: Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú, bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc tương đương trở lên.

- Tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức ngoài xã vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị thuộc xã.

- Thực hiện các chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, bản.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của Thường trực HĐND xã

1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Đảng ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương, của tỉnh, của xã về công tác cán bộ và cán bộ trong phạm vi phụ trách.

2. Đề nghị Thường trực Đảng ủy cho chủ trương thực hiện quy trình giới thiệu ứng cử, tái cử, điều động, luân chuyển, biệt phái, cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác, từ chức, miễn nhiệm các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các ban HĐND xã.

3. Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, phê chuẩn, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác; cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp. Trên cơ sở đó, Thường trực HĐND xã ra quyết định về mặt nhà nước.

4. Đề nghị Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác; cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Thường vụ Đảng ủy công tác ở các Ban thuộc HĐND xã.

5. Nắm chắc tình hình, chủ động phối hợp chặt chẽ với cơ quan của Đảng ủy trong công tác quản lý cán bộ; hướng dẫn và tham mưu, xử lý kịp thời những sai phạm, hạn chế, khuyết điểm, vướng mắc hoặc những vấn đề phát sinh trong công tác cán bộ ở các Ban thuộc HĐND xã.

6. Được Ban Thường vụ Đảng ủy ủy quyền:

Quyết định đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý tham gia các ban chỉ đạo cấp xã thuộc lĩnh vực được phân công.

7. Công bố quyết định bổ nhiệm, quyết định nghỉ hưu (*chức danh cấp trưởng, phó*) đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý công tác ở các Ban thuộc HĐND xã.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã

1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Đảng ủy việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương, của tỉnh, của xã về công tác cán bộ và cán bộ trong phạm vi phụ trách.

2. Đề nghị Thường trực Đảng ủy cho chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, điều động, luân chuyển, biệt phái, cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm các chức danh cán bộ diện Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý công tác ở các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã; cho ý kiến tuyển dụng viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý (trừ viên chức trong cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập); chuyển viên chức sang công chức; tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức ngoài xã vào công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã.

3. Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt

phái, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác; cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp. Trên cơ sở đó, UBND xã, Chủ tịch UBND xã ra quyết định về mặt nhà nước.

4. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc thẩm quyền quản lý từ hạng II hoặc tương đương trở xuống sau khi có quyết định phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng của Sở Nội vụ. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng II hoặc tương đương trở xuống thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức. Xét chuyên chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

6. Đề nghị Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác; cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy ở các cơ quan thuộc UBND xã.

7. Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các chủ trương, quyết định của Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy về công tác cán bộ và cán bộ đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý.

9. Công bố quyết định bổ nhiệm; quyết định nghỉ hưu (*chức danh cấp trưởng, phó*) đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý công tác ở các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã.

10. Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cơ quan, đơn vị trong phạm vi phụ trách.

11. Nắm chắc tình hình, chủ động phối hợp chặt chẽ với cơ quan của Đảng ủy trong công tác quản lý cán bộ; hướng dẫn và tham mưu, xử lý kịp thời những sai phạm, hạn chế, khuyết điểm, vướng mắc hoặc những vấn đề phát sinh trong công tác cán bộ ở các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã.

12. Được Ban Thường vụ Đảng ủy ủy quyền:

- Quyết định nhân sự xã tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ các tổ chức hội cấp tỉnh theo quy định; nhân sự cấp trưởng, cấp phó các tổ chức xã hội, nghề nghiệp thuộc xã.

- Quyết định đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý tham gia các ban chỉ đạo cấp xã thuộc lĩnh vực được phân công hoặc giới thiệu ứng cử chức danh

lãnh đạo các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp xã theo cơ cấu (trừ chức danh Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý).

- Nhận xét, đánh giá, xếp loại chất lượng đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường học, Giám đốc, Phó Giám đốc Trạm y tế trực thuộc UBND xã.

- Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức diện Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã (trừ Phó Chủ tịch HĐND, UBND, cán bộ, công chức, viên chức cấp trưởng); Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường học, Giám đốc, Phó Giám đốc Trạm Y tế, cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND xã.

- Quyết định Nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung, thâm niên nghề, ưu đãi nghề, chuyển ngạch, bổ nhiệm ngạch đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý đang công tác ở các cơ quan, đơn vị thuộc khối chính quyền.

- Thông báo đề cử cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý công tác ở các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã chuẩn bị thủ tục bổ nhiệm lại theo quy định.

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, Ban Thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội xã

1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Đảng ủy trong việc lãnh đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện các quyết định của Trung ương, của tỉnh, của xã về công tác cán bộ và cán bộ trong phạm vi phụ trách.

2. Đề nghị Thường trực Đảng ủy cho chủ trương thực hiện quy trình giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý công tác ở cơ quan Ủy ban MTTQ xã.

3. Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác; cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp. Trên cơ sở đó, Thường trực Mặt trận Tổ quốc xã, Ban Thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội xã ra quyết định theo quy định.

4. Đề nghị Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác; cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội xã thuộc thẩm quyền quyết định của Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy.

5. Nắm chắc tình hình, chủ động phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyên môn của Đảng ủy trong công tác quản lý cán bộ; hướng dẫn và tham mưu, xử lý kịp thời những sai phạm, hạn chế, khuyết điểm, vướng mắc hoặc những vấn đề phát sinh trong công tác cán bộ ở cơ quan Ủy ban MTTQ xã.

6. Chủ trì, phối hợp với Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan giới thiệu cán bộ tham gia ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Ban Chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội xã, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp xã.

7. Chuẩn bị phương án nhân sự đại hội của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp xã trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy cho ý kiến trước khi lãnh đạo bầu cử theo quy định.

8. Phối hợp với UBND xã và các cơ quan có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện bầu, kiện toàn chức danh Trưởng bản, Trưởng Ban Công tác Mặt trận bản.

9. Được Ban Thường vụ Đảng ủy ủy quyền:

- Quyết định đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý tham gia các ban chỉ đạo cấp xã thuộc lĩnh vực được phân công hoặc bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý giữ các chức danh (chức vụ) có cơ cấu kiêm nhiệm (trừ các chức danh diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý).

- Nhận xét, đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội; cấp trưởng các tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp xã.

Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc xã

1. Đảng ủy cơ sở:

1.1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Đảng ủy về việc lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy định, quy chế, quyết định của Trung ương, của tỉnh, của xã về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

1.2. Quyết định phân công nhiệm vụ đối với các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy.

1.3. Trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy nhân sự tại chỗ ứng cử các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; nhân sự chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, giới thiệu bầu Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy; chuẩn y Phó Chủ nhiệm UBKT, Ủy viên UBKT Đảng ủy.

1.4. Trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh, của xã quyết định số lượng Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên UBKT Đảng ủy; bầu Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư; Phó Bí thư, UBKT (Ủy viên UBKT), Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy.

1.5. Chuẩn y kết quả bầu cử Chi ủy, Bí thư, Phó Bí thư các chi bộ trực thuộc theo quy định của Điều lệ Đảng. Khi cần thiết chỉ định tăng thêm Chi ủy viên; chỉ định đảng viên từ nơi khác (sau khi cán bộ được cấp có thẩm quyền điều động) tham gia Chi ủy và giữ các chức vụ Bí thư, Phó Bí thư các chi bộ trực thuộc theo quy định của Điều lệ Đảng; giao quyền Bí thư, giao phụ trách chi bộ trực thuộc. Đề nghị Thường trực Đảng ủy điều chỉnh cơ cấu Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy ngoài cơ cấu Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy được xác định theo quy định của Trung ương, của tỉnh, của xã.

1.6. Trao đổi ý kiến (bằng văn bản) với Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã đối với nhân sự Ủy viên UBKT, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm UBKT trước khi trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xã.

1.7. Đề nghị Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy nhận xét, đánh giá đối với cán bộ cấp trường đang công tác và sinh hoạt đảng tại Đảng bộ. Nhận xét, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền đánh giá, xếp loại của Ban Thường vụ Đảng ủy xã).

1.8. Quyết định phê duyệt quy hoạch Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy viên UBKT Đảng ủy; Bí thư, Phó Bí thư, Chi ủy viên các chi bộ trực thuộc Đảng ủy.

2. Chi ủy (chi bộ) cơ sở:

2.1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Đảng ủy xã việc lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy định, quy chế quyết định của Trung ương, của Tỉnh, của Đảng ủy về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

2.2. Quyết định và lãnh đạo thực hiện các quyết định về công tác cán bộ và cán bộ theo các nội dung quản lý cán bộ tại Điều 5 của Quy định này đối với cán bộ thuộc quyền quản lý.

2.3. Quyết định phân công nhiệm vụ đối với các đồng chí Chi ủy viên, Bí thư, Phó Bí thư, đảng viên trong chi bộ.

2.4. Trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh và của xã quyết định số lượng Chi ủy viên; bầu Chi ủy, Bí thư, Phó Bí thư chi bộ.

2.5. Giới thiệu cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý ứng cử đại biểu HĐND các cấp; ứng cử Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, ủy ban kiểm tra các tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể, các tổ chức xã hội, hội nghề nghiệp các cấp.

2.6. Duyệt và cho ý kiến vào phương hướng cơ cấu nhân sự giới thiệu ứng cử Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các chức danh chủ chốt của các tổ chức đoàn thể trực thuộc (nếu có).

2.7. Đề nghị Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xã quy hoạch đối với các chức danh cán bộ diện Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xã quản lý đang công tác tại cơ quan, đơn vị; quyết định phê duyệt quy hoạch Chi ủy.

2.8. Chi ủy, Bí thư chi bộ tham gia ý kiến với tập thể lãnh đạo cơ quan trước khi trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy, UBND xã về đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, biệt phái, đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cho từ chức, miễn nhiệm, cho thôi chức vụ, cách chức, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; khen thưởng, kỷ luật ... đối với cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại cơ quan, đơn vị.

3. Chi bộ (Chi ủy) trực thuộc:

3.1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Đảng ủy xã việc lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy định, quy chế quyết định của Trung ương, của Tỉnh, của Đảng ủy về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

3.2. Trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh và của xã quyết định số lượng Chi ủy viên, bầu Chi ủy, Bí thư, Phó Bí thư Chi bộ.

3.3. Quyết định phân công nhiệm vụ đối với các đồng chí Chi ủy viên, Bí thư, Phó Bí thư, đảng viên trong chi bộ.

3.4. Trình Thường trực Đảng ủy xã nhân sự tại chỗ ứng cử bầu giữ chức Bí thư, Phó Bí thư, Chi ủy viên; giao quyền Bí thư, phụ trách chi bộ theo quy định.

3.5. Cho ý kiến vào phương hướng cơ cấu nhân sự giới thiệu ứng cử Ban Chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội, các chức danh lãnh đạo, quản lý (đối với chi bộ loại hình cơ quan) trưởng bản, trưởng ban công tác mặt trận (đối với chi bộ loại hình thôn bản).

3.6. Giới thiệu cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý ứng cử đại biểu HĐND các cấp; ứng cử Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, ủy ban kiểm tra các tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể, các tổ chức xã hội, hội nghề nghiệp các cấp.

3.7. Chi ủy, Bí thư chi bộ tham gia ý kiến với tập thể lãnh đạo cơ quan trước khi trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy, UBND xã về đào tạo, bồi

dưỡng, điều động, luân chuyển, biệt phái, đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cho từ chức, miễn nhiệm, cho thôi chức vụ, cách chức, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; khen thưởng, kỷ luật... đối với cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại cơ quan, đơn vị.

Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị thuộc HĐND, UBND cấp xã

1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Đảng ủy trong việc lãnh đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện các quyết định của Trung ương, của tỉnh, của xã về công tác cán bộ và cán bộ trong phạm vi quản lý.

2. Đề nghị cấp có thẩm quyền tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác; cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp.

3. Sau khi có chủ trương của Thường trực Đảng ủy, phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội, Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy chuẩn bị nhân sự các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý theo quy định.

4. Nhận xét, đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức công tác tại cơ quan, đơn vị (trừ các chức danh thuộc diện Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý).

5. Trình cấp có thẩm quyền các nội dung về công tác cán bộ đối với cán bộ, công chức, viên chức người lao động công tác tại cơ quan, đơn vị mình.

Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy

1. Là cơ quan tham mưu của Ban Chấp hành Đảng bộ xã, trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy về công tác cán bộ và cán bộ; hướng dẫn và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương, của Tỉnh ủy, của Đảng ủy về công tác cán bộ và cán bộ.

2. Tổng hợp, theo dõi tình hình đội ngũ cán bộ của Đảng bộ xã, trực tiếp là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý; chủ trì, phối hợp với các cấp ủy đảng, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp xã tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác; cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Đảng ủy.

3. Trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy các vấn đề về công tác cán bộ và cán bộ.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy và các cơ quan có liên quan thẩm định, thẩm tra, rà soát, xác minh thông tin liên quan đến nhân sự thuộc thẩm quyền quyết định của Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy; tổng hợp, đề xuất trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định.

5. Hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng và quản lý hồ sơ cán bộ; trực tiếp quản lý hồ sơ, lý lịch cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý cả đương chức và nghỉ hưu (trừ các chức danh Ban Thường vụ Đảng ủy ủy quyền cho lãnh đạo UBND xã); cán bộ, công chức, viên chức thuộc khối đảng, đoàn thể xã. Hướng dẫn quản lý cơ sở dữ liệu về cán bộ, đảng viên; trực tiếp quản lý cơ sở dữ liệu về cán bộ thuộc Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý, cán bộ thuộc biên chế khối đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã và cơ sở dữ liệu đảng viên trong toàn đảng bộ xã.

6. Chủ trì, phối hợp với UBKT Đảng ủy, các cơ quan liên quan định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác cán bộ và quản lý cán bộ đối với các đảng bộ, cơ quan, đơn vị trong xã; chuẩn bị nhân sự Ủy viên UBKT, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy xã.

Điều 16. Trách nhiệm và quyền hạn của UBKT Đảng ủy, Văn phòng Đảng ủy, Trung tâm Chính trị

1. Kiến nghị, đề xuất với Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác; cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Đảng ủy công tác tại cơ quan, đơn vị.

2. Tham gia ý kiến, thẩm định nhân sự quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác; cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý trong phạm vi, lĩnh vực được phân công phụ trách khi có yêu cầu.

3. Kiểm tra, giám sát cấp ủy, tổ chức đảng và đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét những vấn đề về công tác cán bộ và cán bộ (nếu có). Phối hợp với Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của cấp ủy, tổ chức đảng khi có yêu cầu.

4. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy:

4.1. Xem xét, quyết định kỷ luật cán bộ theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ Đảng, Quy định của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; trình Ban Thường vụ Đảng ủy về kỷ luật cán bộ.

4.2. Phối hợp với Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy:

- Thẩm định nhân sự quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác; cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền trực tiếp quyết định của Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy.

- Chuẩn bị nhân sự Ủy viên UBKT, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy.

4.3. Chủ trì, phối hợp với Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy và đảng ủy trực thuộc xã chuẩn bị về phương hướng, quy hoạch, số lượng, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, thẩm định nhân sự ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc xã trước đại hội, nhân sự tham gia ủy ban kiểm tra cấp ủy khóa mới, kiện toàn, bổ sung ủy viên ủy ban kiểm tra và các chức danh cụ thể, chuẩn y kết quả bầu cử, cho thôi giữ chức vụ,... để báo cáo Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định.

Điều 17. Phân cấp quản lý đối với cán bộ đã thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ hưu

1. Nội dung quản lý

Các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý (riêng đối với 3 xã: Bình Lư, Sơn Bình, Thị trấn Tam Đường cũ trước khi sáp nhập thành xã Bình Lư mới gồm các chức danh Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND xã) khi đã thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ hưu (trừ trường hợp đã thôi giữ chức vụ hoặc được điều động, bố trí công tác khác không thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý) phải được Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, cho ý kiến về những vấn đề sau:

1.1. Tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp; thành viên lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; người đứng đầu hội và các tổ chức (không bao gồm trưởng ban vận động thành lập hội, tổ chức); làm thành viên, lãnh đạo, quản lý các tổ chức có yếu tố nước ngoài; làm Chủ tịch hội đồng thành viên (hội đồng quản trị), giám đốc (tổng giám đốc) doanh nghiệp cổ phần, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).

1.2. Khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ.

1.3. Đi nước ngoài, tiếp khách quốc tế, trả lời phỏng vấn nước ngoài, nhận huân chương, huy chương, danh hiệu, giải thưởng của nước ngoài và các tổ chức quốc tế tặng.

2. Phân cấp quản lý

2.1. Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, cho ý kiến về các nội dung quy định tại Điểm 1.1, Điểm 1.2, Khoản 1, Điều này đối với các chức danh sau:

- Các đồng chí nguyên: Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND.

- Các đồng chí nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy.

- Các đồng chí nguyên Chủ tịch ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã.

- Các đồng chí nguyên: Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND.

2.2. Thường trực Đảng ủy xem xét, cho ý kiến:

- Đối với các chức danh còn lại trong danh mục cán bộ khi còn đang công tác thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý.

- Đối với các chức danh nêu tại Điểm 2.1, Khoản 2, Điều này đi nước ngoài, tiếp khách quốc tế, trả lời phỏng vấn nước ngoài, nhận huân chương, huy chương, danh hiệu, giải thưởng của nước ngoài và các tổ chức quốc tế trao tặng.

Chương III **QUY HOẠCH CÁN BỘ**

Điều 18. Nguyên tắc quy hoạch

1. Coi trọng chất lượng, bảo đảm cân đối, hài hoà, hợp lý, liên thông các khâu trong công tác cán bộ; giữa quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng; giữa đánh giá với quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm và bố trí, sử dụng cán bộ; giữa cán bộ quy hoạch với cán bộ đương nhiệm; giữa nguồn cán bộ ở tỉnh với các xã, phường và các lĩnh vực công tác; giữa nguồn cán bộ tại chỗ với nguồn cán bộ từ nơi khác. Phân đấu quy hoạch theo cơ cấu ba độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ phù hợp với địa bàn, lĩnh vực công tác.

2. Quy hoạch cấp ủy các cấp phải gắn với quy hoạch lãnh đạo, quản lý; lấy quy hoạch các chức danh cấp ủy làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý, bảo đảm đồng bộ với các quy định của Đảng về công tác cán bộ; quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên; gắn kết chặt chẽ quy hoạch cán bộ của các cơ quan, đơn vị, địa phương với quy hoạch Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy và các chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp xã.

Việc quy hoạch chức danh cấp ủy gắn với chức danh lãnh đạo, chỉ huy trong lực lượng vũ trang thực hiện theo hướng dẫn của Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương và của tỉnh.

3. Chỉ quy hoạch chức danh (chức vụ) cao hơn (theo Quy định số 06-QĐ/TU, ngày 21/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy) chức danh đang đảm nhiệm; không quy hoạch chức danh đang đảm nhiệm, chức danh tương đương, chức danh thấp

hơn hoặc chức danh kiêm nhiệm theo cơ cấu. Mỗi chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá ba cán bộ, một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng cấp phê duyệt quy hoạch. Không thực hiện quy hoạch đồng thời với việc đề xuất bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử. Cán bộ sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy hoạch, thì đủ điều kiện đưa vào danh sách để thực hiện quy trình giới thiệu, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định.

Điều 19. Mục đích, yêu cầu quy hoạch

1. Quy hoạch cán bộ là khâu quan trọng, nhiệm vụ thường xuyên nhằm phát hiện sớm nguồn cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, có triển vọng phát triển để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

2. Việc xác định tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, chức danh quy hoạch, dự báo nhu cầu sử dụng cán bộ phải xuất phát từ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp.

3. Rà soát, đánh giá toàn diện nguồn cán bộ trước khi đưa vào danh sách giới thiệu nhân sự quy hoạch; bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công bằng, công tâm, công khai, minh bạch, đúng quy trình, thẩm quyền. Không đề xuất, phê duyệt quy hoạch những trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện.

4. Thực hiện phương châm quy hoạch “động” và “mở”. Hằng năm đánh giá, rà soát để kịp thời đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bổ sung vào quy hoạch những nhân tố mới từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc nguồn nhân sự từ nơi khác đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có triển vọng phát triển.

5. Việc quy hoạch đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị kỷ luật hoặc đang trong quá trình điều tra, thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo, khiếu nại, xem xét trách nhiệm:

5.1. Có thể xem xét quy hoạch chức vụ cao hơn đối với cán bộ nếu bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với các trường hợp:

a) Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, rút kinh nghiệm nhưng chưa đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật (do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm hoặc sẽ yêu cầu cá nhân, cấp ủy có liên quan tiếp tục khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra).

b) Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật nhưng cấp có thẩm quyền quyết định không kỷ luật hoặc không ban hành

quyết định kỷ luật do hết thời hiệu (nếu thi hành kỷ luật là hình thức khiển trách) do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm, khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra.

c) Bị thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo đã hết thời hạn kỷ luật.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ, phân tích, đánh giá khách quan, thận trọng, kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt đối với từng trường hợp cụ thể về phẩm chất, năng lực, uy tín, kết quả sản phẩm công tác của nhân sự; nguyên nhân, động cơ vi phạm, khuyết điểm (khách quan, chủ quan) và tính chất, mức độ, tác động, ảnh hưởng, kết quả khắc phục (nếu có),... xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thực hiện quy trình quy hoạch theo quy định.

5.2. Tạm thời chưa xem xét quy hoạch đối với cán bộ: Có thông tin trao đổi của cơ quan chức năng về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đã, đang điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị của cơ quan có thẩm quyền về xem xét, xử lý trách nhiệm cá nhân cho đến khi cấp có thẩm quyền có kết luận chính thức; nếu có vi phạm, khuyết điểm thì sẽ tiến hành xem xét, xử lý theo đúng quy định.

5.3. Không quy hoạch đối với cán bộ đang trong thời gian giải quyết tố cáo (đã có quyết định thành lập đoàn giải quyết tố cáo), khiếu nại kỷ luật, bị kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc đang bị xem xét, xử lý kỷ luật; cán bộ đang trong thời hạn thi hành kỷ luật; cán bộ bị cơ quan có thẩm quyền kết luận có vi phạm về: Quan điểm chính trị, nguyên tắc tổ chức hoạt động của Đảng, chạy chức, chạy quyền trong công tác cán bộ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân, quy định về trách nhiệm nêu gương, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức đảng và gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Điều 20. Chức danh, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực quy hoạch

1. Chức danh quy hoạch

Các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị từ xã đến cấp trực thuộc, bao gồm:

- Các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh quản lý: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

- Các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý theo mục I, Phụ lục 1.

- Các chức danh thuộc diện các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý.

2. Đối tượng quy hoạch

Đối tượng quy hoạch cấp ủy, lãnh đạo, quản lý gồm 2 đối tượng, cụ thể:

- Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy xã thực hiện theo Phụ lục 2, Quy định số 12-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Các đồng chí là đối tượng 1 hiện giữ chức vụ cấp phó của các cơ quan, đơn vị được xác định có cơ cấu Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, thì không cần phải quy hoạch vào chức danh cấp trưởng (được xác định là có cơ cấu Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy).

- Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã thực hiện như đối với chức danh Phó Bí thư Đảng ủy theo Phụ lục 2, Quy định số 12-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban MTTQ xã và các chức danh diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý thực hiện theo Khoản 2, Mục I, Phụ lục 2, Quy định này.

- Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh cấp trưởng các cơ quan, ban, ngành và tương đương, Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội xã thực hiện theo Khoản 3, Mục I, Phụ lục 02.

- Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh cấp phó cơ quan, ban, ngành và tương đương; Hiệu trưởng các trường học, Giám đốc Trạm Y tế thuộc UBND xã thực hiện theo Khoản 4, Mục I, Phụ lục 02.

- Đối tượng 1, đối tượng 2 của chức danh Ủy viên UBKT Đảng ủy xã, Phó Hiệu trưởng các trường học, Phó Giám đốc Trạm Y tế trực thuộc UBND xã thực hiện theo Khoản 5, Mục I, Phụ lục 02.

- Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Bí thư, Phó Bí thư đảng ủy cơ sở thực hiện theo Mục II, Phụ lục 02.

- Đối tượng 1, đối tượng 2 của chức danh Chi ủy viên, Bí thư, Phó Bí thư chi bộ cơ sở, chi bộ trực thuộc đảng bộ xã (trừ thôn bản) thực hiện theo Mục III, Phụ lục 02.

** Lưu ý: Nhân sự nếu đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đối với các chức danh quy hoạch, thì được cấp ủy, tổ chức đảng xem xét, quyết định phê duyệt quy hoạch hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy hoạch đồng thời các chức danh theo quy định (đối tượng 1 và đối tượng 2).*

3. Nhiệm kỳ quy hoạch

Quy hoạch cho một nhiệm kỳ và định hướng cho nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Hiệu lực quy hoạch

Quy hoạch cán bộ có hiệu lực từ ngày cấp có thẩm quyền ký, ban hành quyết định phê duyệt. Quy hoạch hết hiệu lực khi cán bộ được bổ nhiệm, bầu cử vào chức danh quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch hoặc kết thúc nhiệm kỳ theo quy định của chức danh quy hoạch.

Điều 21. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

1. Ban Thường vụ Đảng ủy trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

2. Ban Thường vụ Đảng ủy quyết định phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh theo phân cấp quản lý cán bộ của xã theo mục I, Phụ lục 1.

Tham gia ý kiến quy hoạch cấp trưởng, cấp phó các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn xã.

3. Ban Thường vụ Đảng ủy ủy quyền phê duyệt quy hoạch các chức danh:

- Thường trực Đảng ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh:

+ Phó hiệu trưởng các trường học thuộc UBND xã.

+ Phó Giám đốc Trạm Y tế xã.

+ Chi ủy viên, Bí thư, Phó Bí thư các chi bộ trực thuộc đảng bộ xã (trừ thôn bản).

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã phê duyệt quy hoạch Ủy viên Ủy ban, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ cấp xã; các tổ chức chính trị - xã hội xã phê duyệt quy hoạch Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội xã (*là cán bộ, công chức, viên chức*).

5. Đảng bộ, chi bộ cơ sở phê duyệt quy hoạch Ủy viên Ban Chấp hành (Chi ủy viên), Ban Thường vụ, Ủy ban Kiểm tra cấp mình.

Điều 22. Trách nhiệm trong công tác quy hoạch

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị:

- Lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện các chủ trương, quy định của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xã về công tác quy hoạch cán bộ tại địa phương, cơ quan, đơn vị; xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện, xác định đối tượng cụ thể đối với các chức danh do cấp mình quản lý và tham gia xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện các chức danh khác khi được yêu cầu.

- Thực hiện quy trình nhân sự, nhận xét, đánh giá và trình cấp có thẩm quyền thẩm định tiêu chuẩn chính trị, phê duyệt quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên; phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của cấp mình theo phân cấp quản lý cán bộ; báo cáo cấp trên trực tiếp kết quả phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của cấp mình.

- Căn cứ quy hoạch được phê duyệt để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ gắn với chức danh quy hoạch theo quy định. Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác quy hoạch cán bộ theo thẩm quyền.

2. Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy:

- Tham mưu cụ thể hóa các chủ trương, quy định của Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ; giúp Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy về công tác quy hoạch cán bộ theo quy định.

- Tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy:

+ Ban hành Kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo công tác quy hoạch cán bộ.

+ Thực hiện quy trình nhân sự, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy xem xét, phê duyệt quy hoạch các chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

+ Quyết định quy hoạch các chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định trình Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý công tác ở các cơ quan, đơn vị theo phân cấp; cho ý kiến quy hoạch cấp trưởng, cấp phó các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn xã.

- Tham mưu sơ kết, tổng kết; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác quy hoạch cán bộ ở các địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trao đổi, cung cấp thông tin, giới thiệu nhân sự từ nơi khác (khi cần thiết hoặc theo yêu cầu) để các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nghiên cứu, xem xét, bổ sung quy hoạch theo thẩm quyền.

3. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy và các cơ quan có liên quan:

- Thẩm định, thẩm tra, cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến nhân sự quy hoạch theo yêu cầu.

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy.

Điều 23. Phương pháp quy hoạch

1. Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện một lần vào năm thứ hai nhiệm kỳ hiện tại của đại hội đảng bộ các cấp, đại hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Hằng năm tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp trong quý I. Các cơ quan, đơn vị trình Ban Thường vụ Đảng ủy (qua Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy) phê duyệt các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý trước ngày 28/2; báo cáo kết quả phê duyệt quy hoạch cấp mình quản lý trước ngày 30/3. Trường hợp rà soát, bổ sung quy hoạch lần 2 trong năm phải báo cáo ít nhất sau 30 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt quy hoạch.

Lưu ý: Căn cứ Quy định này, các quy định của Trung ương, của tỉnh về số lượng cấp phó của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và các quy định có liên quan; đồng thời, trên cơ sở nguồn nhân sự quy hoạch cấp ủy, chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm họp nhất, sáp nhập và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ trong nhiệm kỳ; các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện việc đánh giá nguồn nhân sự trong quy hoạch và tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031 định kỳ hằng năm theo đúng quy định.

Điều 24. Tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi quy hoạch

1. Về tiêu chuẩn, điều kiện

1.1. Tiêu chuẩn đối với cán bộ quy hoạch cơ bản thực hiện như tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với chức danh theo quy định hiện hành. Tại thời điểm quy hoạch, cấp có thẩm quyền có thể xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với cán bộ cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh bổ nhiệm theo quy định.

- Trình độ chuyên môn: Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tương ứng với chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

Đối với Bí thư, Phó Bí thư chi bộ thôn, bản được quy hoạch chức danh cấp ủy cấp xã phải có trình độ học vấn từ trung học cơ sở trở lên.

- Trình độ lý luận chính trị:

+ Cán bộ được quy hoạch các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: Đối tượng 1 phải đáp ứng tiêu chuẩn lý luận chính trị tương ứng với chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử (theo Quy định số 07-QĐ/TU, ngày 21/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy); đối tượng 2 có thể chưa đáp ứng ngay tiêu chuẩn lý

luận chính trị, nhưng sau khi được phê duyệt quy hoạch thì phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn lý luận chính trị theo quy định.

+ Cán bộ được quy hoạch các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý: Đối tượng 1 phải đáp ứng tiêu chuẩn lý luận chính trị tương ứng với chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử (đối với vị trí cơ cấu lực lượng vũ trang, thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an); đối tượng 2 có thể chưa đáp ứng ngay tiêu chuẩn lý luận chính trị, nhưng sau khi được phê duyệt quy hoạch thì phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn lý luận chính trị theo quy định.

+ Cán bộ được quy hoạch các chức danh còn lại do các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị quy định cụ thể theo phân cấp quản lý cán bộ và quy định về tiêu chuẩn chức danh của cấp có thẩm quyền.

- Về điều kiện kinh qua chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp dưới (đối với đối tượng 1): Đối với từng trường hợp cụ thể, Ban Thường vụ Đảng ủy, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị phân tích kỹ lưỡng, cân nhắc toàn diện về phẩm chất, năng lực, uy tín và triển vọng phát triển xem xét, quyết định quy hoạch thuộc thẩm quyền theo phân cấp phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tiễn và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

- Chưa nhất thiết phải đáp ứng ngay các tiêu chuẩn về trình độ quản lý nhà nước, tin học, ngoại ngữ...

2. Về độ tuổi quy hoạch

- Cán bộ được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 02 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 01 nhiệm kỳ (60 tháng). Khi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

- Tuổi quy hoạch được xác định cụ thể như sau:

+ Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm tính tuổi theo quy định phải còn ít nhất 01 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

+ Tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch cho nhiệm kỳ hiện tại bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch phải còn ít nhất 60 tháng đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

- Đối với cán bộ nữ thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thì tuổi quy hoạch được xác định theo độ tuổi được quy định và thực hiện như phương pháp nêu trên.

- Đối với chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch hội cựu chiến binh cấp tỉnh, cấp xã: Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp bằng tuổi công tác tối đa tham gia công tác hội (70 tuổi) trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm quy hoạch phải còn ít nhất 01 nhiệm kỳ.

- Xác định độ tuổi cụ thể đối với các chức danh quy hoạch thực hiện theo Phụ lục 4.

3. Thời điểm tính tuổi quy hoạch

- Đối với quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp: Chức danh cấp ủy, lãnh đạo cấp ủy, các ban, cơ quan của Đảng, UBKT là thời điểm tiến hành đại hội đảng bộ các cấp; chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan nhà nước là thời điểm bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức, cụ thể:

+ Đối với cấp ủy, các chức danh lãnh đạo cấp ủy nhiệm kỳ 2030-2035: Cấp cơ sở tháng 4/2030; cấp xã tháng 7/2030.

+ Đối với các chức danh lãnh đạo các cơ quan Nhà nước nhiệm kỳ 2031-2036: Tháng 3/2031.

+ Đối với các chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã nhiệm kỳ 2030-2035 thực hiện theo hướng dẫn của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội Trung ương.

- Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch: Là thời điểm cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ có thẩm quyền (Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy đối với trường hợp các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý; Phòng Văn hóa - Xã hội đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã phê duyệt; các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị... đối với trường hợp khác) nhận được tờ trình và hồ sơ nhân sự theo quy định.

Điều 25. Hệ số, số lượng và cơ cấu

1. Về hệ số, số lượng

- Hệ số quy hoạch cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng theo quy định.

- Số lượng chức danh quy hoạch lãnh đạo, quản lý:

+ Một chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá 03 cán bộ.

+ Một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng một cấp phê duyệt quy hoạch (không bao gồm Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên UBKT các cấp).

2. Về cơ cấu

Phân đầu cơ cấu, tỷ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý theo hướng:

- Quy hoạch Ban Chấp hành, Ban Thường vụ cấp xã thực hiện cơ cấu 3 độ tuổi: Cán bộ trẻ (dưới 42 tuổi) từ 15% trở lên, từ 42 đến dưới 52 tuổi khoảng 55-65%; trên 52 tuổi khoảng 20-30%; cán bộ nữ trong cấp ủy từ 25% trở lên. Cơ cấu cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ từ 5-10% (Cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ là: (1) Cán bộ có trình độ chuyên môn đại học trở lên của các ngành có liên quan đến lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; (2) Cán bộ có trình độ chuyên môn đại học chuyên ngành khác và có bằng hoặc chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn (từ 01 năm trở lên) do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp theo quy định; có ít nhất 02 năm trực tiếp đảm nhiệm công việc trong các dự án, chương trình khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương và có sản phẩm, kết quả cụ thể).

- Quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý phải có cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số.

Cơ cấu dân tộc: Cấp ủy cấp xã cơ bản phù hợp với cơ cấu dân tộc của địa phương.

Điều 26. Quy trình và thủ tục, hồ sơ nhân sự quy hoạch

1. Quy trình quy hoạch

Quy trình quy hoạch gồm 2 quy trình: (1) Quy hoạch cán bộ đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự tại chỗ. (2) Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ đối với nguồn nhân sự từ nơi khác.

1.1. Đối với quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và các chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã: Thực hiện theo Phụ lục 3, Quy định số 12-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

1.2. Đối với quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý (trừ các chức danh tại khoản 1.1 Điều này): Thực hiện theo Phụ lục 3.

1.3. Đối với các chức danh khác theo phân cấp quản lý cán bộ: Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ quy trình quy hoạch các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý theo Phụ lục 3 để áp dụng cho phù hợp.

2. Thủ tục, hồ sơ nhân sự quy hoạch

2.1. Thủ tục quy hoạch

a) Cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị làm tờ trình, hồ sơ đề nghị phê duyệt quy hoạch theo Phụ lục 7 gửi Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xã; Thường trực HĐND xã, lãnh đạo UBND xã qua Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy và Phòng Văn hóa - Xã hội để thẩm định nhân sự, cụ thể như sau:

- Cơ quan, đơn vị thuộc Đảng ủy; Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội, các chi, đảng bộ: Làm 01 bộ hồ sơ gửi về Ban Thường vụ Đảng ủy (qua Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy).

- Cơ quan, đơn vị và tương đương thuộc HĐND, UBND xã: Làm 02 bộ hồ sơ 01 bộ gửi về Ban Thường vụ Đảng ủy (qua Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy); 01 bộ gửi về Thường trực HĐND và lãnh đạo UBND xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội).

b) Không quá 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ tờ trình, hồ sơ nhân sự theo quy định, Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy gửi văn bản (kèm theo bản sao hồ sơ nhân sự) xin ý kiến thẩm định của các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định đối với nhân sự.

c) Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ tờ trình, hồ sơ nhân sự theo đúng quy định, Phòng Văn hóa - Xã hội thẩm định, tổng hợp báo cáo lãnh đạo UBND xã đối với các chức danh theo phân cấp.

d) Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy, Phòng Văn hóa - Xã hội và các cơ quan liên quan thẩm định nhân sự theo chức năng, nhiệm vụ được giao; rà soát, thẩm định, thẩm tra chặt chẽ, kỹ lưỡng về tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình và những nội dung khác liên quan đến nhân sự theo quy định; trong đó, tập trung rà soát, thẩm định kỹ lưỡng và kết luận rõ tiêu chuẩn chính trị đối với nhân sự theo Quy định số 367-QĐ/TW, ngày 04/9/2025 của Bộ Chính trị một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy, Công an xã và các cơ quan liên quan tiến hành rà soát chặt chẽ, kỹ lưỡng để xác định rõ trách nhiệm (nếu có) của nhân sự trong các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra hoặc vụ án, vụ việc mà các cơ quan chức năng đã xem xét, kết luận và kết quả giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo (nếu có). Chịu trách nhiệm chính trước cấp trên trực tiếp về kết quả rà soát, thẩm định, thẩm tra và đề xuất, giới thiệu nhân sự của mình.

đ) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, các cơ quan chức năng xem xét, thẩm định nhân sự phải có văn bản trả lời Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy; quá thời hạn trên, nếu không có văn bản trả lời thì được coi là đồng ý với đề nghị phê duyệt quy hoạch; trường hợp vì lý do khách quan, cần thêm thời gian để xem xét, xác minh, thẩm tra thì phải có văn bản gửi Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy để biết, theo dõi nhưng không quá 15 ngày làm việc. Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND, Ủy ban MTTQ xã họp thống nhất làm tờ trình, trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy (qua Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy).

e) Không quá 10 ngày làm việc, Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy có trách nhiệm tổng hợp ý kiến thẩm định hoặc xác minh, thẩm tra (nếu có) và trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định.

g) Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định theo chương trình công tác.

h) Không quá 2 ngày làm việc kể từ ngày Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy kết luận, Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch để Thường trực Đảng ủy ký ban hành. Các cơ quan liên quan triển khai quyết định phê duyệt quy hoạch theo quy định.

2.2. Hồ sơ nhân sự quy hoạch: Thực hiện theo Phụ lục 7.

Điều 27. Thời gian thẩm định, phê duyệt quy hoạch

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ tờ trình, hồ sơ nhân sự theo quy định, cấp có thẩm quyền phải xem xét, phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, cấp có thẩm quyền có thể kéo dài thời gian nhưng không được quá 15 ngày làm việc.

Điều 28. Công khai và quản lý quy hoạch

1. Công khai quy hoạch

Danh sách cán bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch được thông báo công khai trong cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân có liên quan biết, quản lý, sử dụng quy hoạch.

2. Quản lý và sử dụng quy hoạch

- Sau 30 ngày làm việc kể từ khi phê duyệt quy hoạch, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị báo cáo cấp trên trực tiếp kết quả phê duyệt quy hoạch; gửi các quyết định phê duyệt quy hoạch về Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy để quản lý, theo dõi đối với các chức danh: Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy cơ sở, Ủy viên Thường trực Ủy ban MTTQ, Ủy viên Ban Thường vụ và phó các tổ chức chính trị-xã hội.

- Căn cứ vào kết quả phê duyệt quy hoạch, tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh quy hoạch và yêu cầu nhiệm vụ; các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện kế hoạch luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện để cán bộ phấn đấu, rèn luyện, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh quy hoạch theo quy định.

- Việc đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử và sắp xếp, bố trí cán bộ phải bám sát vào quy hoạch cán bộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Định kỳ hằng năm, Ban Thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát, đánh giá chất lượng, cơ cấu nguồn cán bộ trong quy hoạch để kịp thời điều chỉnh, bổ sung quy hoạch theo quy định.

Điều 29. Các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch

Cán bộ đã được bổ nhiệm, bầu cử vào chức danh quy hoạch; quá tuổi bổ nhiệm; bị cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (đối với cá nhân) hoặc kết luận không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch hoặc được cấp có thẩm quyền cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm chức vụ; đã từ trần hoặc nghỉ công tác thì đương nhiên ra khỏi quy hoạch (cơ quan tham mưu tổ chức cán bộ tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định đưa ra khỏi quy hoạch mà không phải lấy phiếu biểu quyết). Đối với cán bộ bị thi hành kỷ luật, sau khi cấp có thẩm quyền ban hành quyết định kỷ luật, thì các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị phải kịp thời quyết định hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền đưa ngay ra khỏi quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý. Đối với các trường hợp còn lại, thực hiện kết hợp vào thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm gần nhất theo quy định.

Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp trong quy hoạch

Đối với các cơ quan, đơn vị thuộc diện hợp nhất, sáp nhập theo quyết định của cấp có thẩm quyền: (1) Số lượng quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý tại thời điểm hợp nhất, sáp nhập có thể nhiều hơn theo quy định, nhưng không vượt quá số lượng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm hợp nhất, sáp nhập; chậm nhất sau 5 năm (tính từ thời điểm quyết định hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực) số lượng quy hoạch sẽ thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền. (2) Các chức danh lãnh đạo, quản lý được phê duyệt quy hoạch trước khi hợp nhất, sáp nhập, nếu còn hiệu lực và thời hạn quy hoạch theo quy định thì vẫn được xem xét để bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh quy hoạch hoặc chức danh tương đương theo quy định.

Chương IV

BỔ NHIỆM VÀ GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ

Điều 31. Nguyên tắc bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo thẩm quyền; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, phát huy đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của từng thành viên và người đứng đầu.

2. Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, phẩm chất, đạo đức, năng lực, sở trường và uy tín của cán bộ; đồng thời, xuất phát từ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Bảo đảm sự ổn định, kế thừa và phát triển liên tục của đội ngũ cán bộ; nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.

Điều 32. Về bổ nhiệm, bố trí, sử dụng đối với cán bộ vi phạm, khuyết điểm hoặc bị kỷ luật hoặc đang trong quá trình điều tra, thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo, khiếu nại, xem xét trách nhiệm

1. Có thể xem xét, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn đối với cán bộ nếu bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với các trường hợp:

1.1. Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, rút kinh nghiệm nhưng chưa đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật (do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm hoặc sẽ yêu cầu cá nhân, cấp ủy có liên quan tiếp tục khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra).

1.2. Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật nhưng cấp có thẩm quyền quyết định không kỷ luật hoặc không ban hành quyết định kỷ luật do hết thời hiệu (nếu thi hành kỷ luật là hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo) do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm, khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra.

1.3. Cán bộ bị thi hành kỷ luật bằng hình thức: Khiển trách (sau 24 tháng); cảnh cáo không thuộc trường hợp bị miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ (sau 36 tháng); cách chức (sau 60 tháng), tính từ thời điểm quyết định kỷ luật của cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực; nếu nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền đánh giá đã hoàn thành việc kiểm điểm, khắc phục các vi phạm, khuyết điểm (nếu có) theo yêu cầu tại kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra của các cơ quan chức năng; đồng thời, được các cấp ủy trực tiếp quản lý cán bộ đánh giá là có phẩm chất, năng lực và có khả năng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao thì cấp có thẩm quyền có thể xem xét, bổ nhiệm giữ chức vụ cao hơn và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Không xem xét, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn nhưng được xem xét bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử đối với cán bộ bị thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo nay đã hết thời hạn kỷ luật nhưng chưa đủ thời gian theo quy định tại Khoản 1 Điều này, nếu cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

3. Không bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn nhưng có thể xem xét, cân nhắc kỹ lưỡng từng trường hợp để bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử đối với: Cán bộ hiện đang trong thời gian thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách (trừ các trường hợp vi phạm về quan điểm chính trị; vi phạm nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng; chạy chức, chạy quyền trong công tác cán bộ; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân; vi phạm quy định về trách nhiệm nêu gương, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức đảng và gây bức xúc trong dư luận xã hội).

Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ vào tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ, phân tích, đánh giá khách quan, thận trọng, kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt đối với từng trường hợp cụ thể về phẩm chất, năng lực, uy tín, kết quả sản phẩm công tác của nhân sự; nguyên nhân, động cơ vi phạm, khuyết điểm (khách quan, chủ quan) và tính chất, mức độ, tác động, ảnh hưởng, kết quả đã khắc phục (nếu có),... xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thực hiện quy trình bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử theo quy định.

4. Tạm thời chưa xem xét, bổ nhiệm lại hoặc tái cử đối với cán bộ: Có thông tin trao đổi của cơ quan chức năng về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đã, đang điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị của cơ quan có thẩm quyền về xem xét, xử lý trách nhiệm cá nhân cho đến khi cấp có thẩm quyền có kết luận chính thức; nếu có vi phạm, khuyết điểm, thì sẽ tiến hành xem xét, xử lý theo đúng quy định.

5. Không bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, điều động, luân chuyển đối với cán bộ đang trong thời gian giải quyết tố cáo (đã có quyết định thành lập đoàn giải quyết tố cáo), khiếu nại kỷ luật, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, bị xem xét, xử lý kỷ luật, bị kiến nghị xử lý vi phạm theo kết luận thanh tra, kiểm toán, bị điều tra.

Điều 33. Trách nhiệm và thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đề xuất nhân sự và đánh giá, nhận xét nhân sự được đề xuất.

2. Tập thể lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thảo luận, đánh giá, nhận xét cán bộ, quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm nguyên tắc, quy định, quy trình, quy chế, quyết định về công tác cán bộ và thực hiện nghiêm quyền hạn, trách nhiệm trong công tác cán bộ.

3. Người đứng đầu, tập thể đề xuất; cơ quan thẩm định; tập thể quyết định cán bộ theo thẩm quyền phải chịu trách nhiệm về đề nghị, thẩm định, quyết định của mình. Cụ thể:

- Người đứng đầu, tập thể đề xuất: Chịu trách nhiệm chính trước cấp có thẩm quyền về đánh giá, nhận xét, kết luận tiêu chuẩn chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống; năng lực công tác, ưu, khuyết điểm; kê khai tài sản, thu nhập... và ý kiến đề xuất của mình.

- Cơ quan thẩm định: Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, thẩm tra, rà soát thông tin, tham gia ý kiến đối với nhân sự được đề xuất theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

- Tập thể quyết định cán bộ: Chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Điều 34. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chức vụ cao hơn

1. Bảo đảm tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể của chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

2. Cán bộ được giới thiệu từ nguồn nhân sự tại chỗ phải được quy hoạch vào chức danh bổ nhiệm hoặc được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Đối với nhân sự từ nguồn ở bên ngoài phải được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương

a) Cán bộ được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn phải có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm (liền kề) hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 01 năm (12 tháng). Trường hợp đặc biệt nếu nhân sự có thời gian giữ chức vụ hoặc chức vụ tương đương dưới 1 năm, thì cấp ủy trực tiếp quản lý cán bộ phải tiến hành: (i) Đánh giá khách quan, toàn diện về phẩm chất, năng lực, uy tín, sản phẩm, kết quả cụ thể của nhân sự trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; đồng thời, gắn kết chặt chẽ với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương và việc bố trí, sử dụng cán bộ; (ii) Quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình hoặc báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ xem xét, quyết định.

b) Trường hợp nhân sự hiện giữ chức danh (chức vụ) có cơ cấu tham gia cấp ủy các cấp theo quy định, thì không phải thực hiện quy định về thời gian giữ chức danh đang đảm nhiệm hoặc tương đương ít nhất là 1 năm (12 tháng) để giới thiệu, chỉ định tham gia cấp ủy theo cơ cấu.

c) Trường hợp đặc biệt cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Có hồ sơ, lý lịch cá nhân, bản kê khai tài sản, thu nhập đầy đủ, rõ ràng và được cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, xác minh; được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ nhận xét, đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 3 năm gần nhất. Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong 3 năm gần nhất đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức vụ cao hơn: Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể cơ quan, đơn vị căn cứ Quy định này và các quy định, hướng dẫn liên quan; trên cơ sở kết quả đánh giá cán bộ định kỳ hằng năm của cấp có thẩm quyền để tổng hợp, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong 3 năm gần nhất (tính từ thời điểm thực hiện quy trình nhân sự trở về trước) đối với nhân sự đề nghị

bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn theo quy định và chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp về kết quả đánh giá của mình.

- Nhân sự phải kê khai trung thực, chính xác, đầy đủ các thành phần, nội dung của hồ sơ nhân sự; trường hợp nếu nhân sự không kê khai hoặc kê khai không đầy đủ, trung thực về những nội dung liên quan đến bản thân và quan hệ gia đình theo quy định, thì sẽ không được đề nghị hoặc được xem xét bổ nhiệm (bổ nhiệm lại), giới thiệu ứng cử (tái cử), điều động, luân chuyển.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ chịu trách nhiệm chính trước cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ về nội dung liên quan đến hồ sơ nhân sự.

5. Độ tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức vụ cao hơn: Cán bộ các cơ quan trong hệ thống chính trị được đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào chức danh (chức vụ) lãnh đạo, quản lý (cao hơn) lần đầu phải đủ tuổi để công tác trọn 1 nhiệm kỳ. Trường hợp đặc biệt không bảo đảm độ tuổi theo quy định, thì phải còn ít nhất là 04 năm (48 tháng) đối với nhiệm kỳ 05 năm (60 tháng) và do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định; các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo trực tiếp quản lý cán bộ phải tiến hành các bước cụ thể như sau:

Bước 1: Rà soát, đánh giá toàn diện, dân chủ, khách quan về chất lượng nguồn nhân sự trong quy hoạch và chức danh tương đương, gắn kết chặt chẽ với tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị.

Bước 2: Nếu không có nguồn nhân sự đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, thì cấp ủy, tổ chức đảng tiến hành đánh giá khách quan, toàn diện, kỹ lưỡng về phẩm chất, năng lực, uy tín, sản phẩm, kết quả cụ thể của nhân sự thuộc trường hợp “đặc biệt về độ tuổi” trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và nhu cầu bố trí, sử dụng cán bộ.

Bước 3: Trên cơ sở kết quả đánh giá, các cấp ủy, tổ chức đảng báo cáo, đề xuất Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Đảng ủy hoặc xem xét, quyết định đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của các cấp ủy, tổ chức đảng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

6. Có đủ sức khoẻ để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 35. Thời hạn giữ chức vụ

1. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ là 5 năm (60 tháng) đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị và doanh nghiệp nhà nước.

2. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ dưới 5 năm áp dụng đối với một số chức vụ đặc thù theo quy định riêng.

3. Thời hạn giữ chức vụ bầu cử theo nhiệm kỳ của tổ chức đó.

Điều 36. Thủ tục bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý

1. Căn cứ vào số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc xã; tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị xã (gọi chung là tập thể lãnh đạo) thực hiện các công việc sau:

- Trình Thường trực Đảng ủy xem xét cho chủ trương về số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung, nguồn nhân sự, trong đó dự kiến phân công lĩnh vực, nhiệm vụ cụ thể trước khi làm quy trình nhân sự:

+ Các cơ quan, đơn vị thuộc Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã (trên cơ sở đề nghị của Ban Thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp xã); đảng ủy, Chi ủy (chi bộ) trực thuộc xã trình Thường trực Đảng ủy (qua Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy).

+ Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã trình lãnh đạo UBND xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) xem xét trình Thường trực Đảng ủy (qua Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy). Riêng đối với chức danh Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng HĐND-UBND trình Thường trực HĐND, trên cơ sở ý kiến của Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND xã xem xét trình Thường trực Đảng ủy (qua Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy).

+ Các ban của HĐND xã trình Thường trực HĐND xã xem xét trình Thường trực Đảng ủy (qua Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy).

- Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy tổng hợp trình Thường trực Đảng ủy xem xét, quyết định vào kỳ họp gần nhất.

2. Sau khi có chủ trương của Thường trực Đảng ủy, chậm nhất trong thời gian 15 ngày làm việc, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị phải hoàn thành việc thực hiện quy trình nhân sự theo quy định. Trường hợp sau thời gian quy định, chưa hoàn thành việc thực hiện quy trình nhân sự thì tập thể lãnh đạo có trách nhiệm giải trình rõ lý do, báo cáo bằng văn bản để Thường trực Đảng ủy xem xét (qua Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy).

3. Đề xuất nhân sự cụ thể.

4. Thẩm định, xét duyệt nhân sự.

4.1. Cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị làm tờ trình, hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo Phụ lục 7 gửi Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy; Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND, Ủy ban MTTQ qua Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy và Phòng Văn hóa - Xã hội để thẩm định nhân sự, cụ thể như sau:

- Cơ quan, đơn vị thuộc Đảng ủy; Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND, Ủy ban MTTQ, các chi, đảng bộ trực thuộc làm 01 bộ hồ sơ gửi về Ban Thường vụ Đảng ủy (qua Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy).

- Cơ quan, đơn vị thuộc HĐND, UBND xã làm 02 bộ hồ sơ gửi về Ban Thường vụ Đảng ủy (qua Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy) và Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội).

4.2. Không quá 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ tờ trình, hồ sơ nhân sự theo quy định, Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy gửi văn bản (kèm theo bản sao hồ sơ nhân sự) xin ý kiến thẩm định của các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định đối với nhân sự.

4.3. Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ tờ trình, hồ sơ nhân sự theo đúng quy định, Phòng Văn hóa - Xã hội thẩm định, tổng hợp báo cáo Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND xã đối với các chức danh theo phân cấp.

4.4. Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy, Phòng Văn hóa - Xã hội và các cơ quan liên quan thẩm định nhân sự theo chức năng, nhiệm vụ được giao; rà soát, thẩm định, thẩm tra chặt chẽ, kỹ lưỡng về tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình và những nội dung khác liên quan đến nhân sự theo quy định; trong đó, tập trung rà soát, thẩm định kỹ lưỡng và kết luận rõ tiêu chuẩn chính trị đối với nhân sự theo Quy định số 367-QĐ/TW, ngày 04/9/2025 của Bộ Chính trị một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy, Công an xã và các cơ quan liên quan tiến hành rà soát chặt chẽ, kỹ lưỡng để xác định rõ trách nhiệm (nếu có) của nhân sự trong các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra hoặc vụ án, vụ việc mà các cơ quan chức năng đã xem xét, kết luận và kết quả giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo (nếu có). Chịu trách nhiệm chính trước cấp trên trực tiếp về kết quả rà soát, thẩm định, thẩm tra và đề xuất, giới thiệu nhân sự của mình.

4.5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, các cơ quan chức năng xem xét, thẩm định nhân sự phải có văn bản trả lời Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy; quá thời hạn trên, nếu không có văn bản trả lời thì được coi là đồng ý với đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử; trường hợp vì lý do khách quan, cần thêm thời gian để xem xét, xác minh, thẩm tra thì phải có văn bản gửi Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy để biết, theo dõi nhưng không quá 15 ngày làm việc. Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND, Ủy ban MTTQ xã họp thống nhất làm tờ trình, trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy (qua Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy).

4.6. Không quá 10 ngày làm việc, Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy có trách nhiệm tổng hợp ý kiến thẩm định hoặc xác minh, thẩm tra (nếu có) và trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định.

4.7. Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định theo chương trình công tác.

4.8. Không quá 2 ngày làm việc kể từ ngày Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy kết luận, Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy dự thảo quyết định bổ nhiệm, thông báo bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử để Thường trực Đảng ủy ký ban hành. Các cơ quan liên quan thực hiện việc bổ nhiệm hoặc giới thiệu ứng cử theo quy định.

4.9. Bàn giao hồ sơ gốc và bổ sung hồ sơ cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý: Các cấp ủy, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm bàn giao hồ sơ gốc (đối với các văn bằng, chứng chỉ là bản sao có công chứng theo quy định) của cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý ngay sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, chuẩn y, phê chuẩn hoặc theo định kỳ hằng năm (hồ sơ đánh giá, xếp loại cán bộ hằng năm hoặc định kỳ theo quy định; văn bằng, chứng chỉ, tài liệu mới phát sinh nếu có; ...) hoặc khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền về Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy để quản lý theo quy định.

Điều 37. Quy trình bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Các chức danh: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND xã: Thực hiện quy trình theo Quy định số 12-QĐ/TU, ngày 12/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Chức danh Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND xã tại bước 4 Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, biểu quyết (không phải trình Ban Chấp hành).

2. Các chức danh cán bộ do Ban Thường vụ Đảng ủy quyết định:

2.1. Đối với nguồn nhân sự tại chỗ: Thực hiện theo Phụ lục 5.

2.2. Đối với nhân sự điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn cán bộ ở nơi khác.

a) Trường hợp nhân sự do Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy dự kiến điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn nhân sự ngoài cơ quan, đơn vị thì Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy tiến hành các công việc sau:

Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến (bằng văn bản) của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ về chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Bước 2: (1) Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; lấy đánh giá, nhận xét của địa phương, cơ quan, đơn vị và hồ sơ nhân sự theo quy định. (2) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

Bước 3: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thẩm định, xét duyệt nhân sự và lập tờ trình báo cáo Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định.

Thường trực HĐND xã họp biểu quyết đối với các chức danh Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng HĐND-UBND, trưởng, phó các Ban của HĐND xã. Lãnh đạo UBND xã họp biểu quyết đối với các chức danh lãnh đạo các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ xã họp biểu quyết đối với các chức danh cấp trưởng, cấp phó MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội xã. Khi được 2/3 số phiếu trở lên đồng ý thì Thường trực HĐND xã, lãnh đạo UBND xã, MTTQ xã trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy (qua Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy) xem xét, quyết định.

b) Trường hợp nhân sự do cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đề xuất điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn cán bộ ở nơi khác thì cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị chỉ đạo bộ phận tham mưu tổ chức, cán bộ tiến hành các bước sau:

Bước 1: (1) Trao đổi, lấy ý kiến với tập thể lãnh đạo cơ quan nơi cán bộ đang công tác về dự kiến điều động cán bộ; lấy đánh giá, nhận xét của địa phương, cơ quan, đơn vị và hoàn thiện hồ sơ nhân sự theo quy định. (2) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

Bước 2: Tập thể lãnh đạo cơ quan có nhu cầu bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử thảo luận, thống nhất lập tờ trình, hồ sơ đề nghị bổ nhiệm cán bộ, giới thiệu cán bộ ứng cử trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực HĐND xã, lãnh đạo UBND xã (qua Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy và Phòng Văn hóa - Xã hội), Ban Thường trực Ủy ban MTTQ xã theo phân cấp.

Bước 3: Các cơ quan, đơn vị phối hợp thẩm định, xét duyệt nhân sự và lập tờ trình báo cáo Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định.

Thường trực HĐND xã họp biểu quyết đối với các chức danh Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng HĐND-UBND, trưởng, phó các ban của HĐND xã. Lãnh đạo UBND xã họp biểu quyết đối với các chức danh lãnh đạo các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ xã họp biểu quyết đối với cấp trưởng, cấp phó MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội xã. Khi được 2/3 số phiếu trở lên đồng ý thì Thường trực HĐND xã, lãnh đạo UBND xã, MTTQ xã trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy (qua Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy) xem xét, quyết định.

c) Trường hợp chia tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức: Nếu bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ tương đương hoặc thấp hơn chức vụ đảm nhiệm trước khi chia tách, hợp nhất, sáp nhập thì tập thể lãnh đạo có thẩm quyền căn cứ phẩm chất, năng lực, uy tín của cán bộ để thảo luận xem xét, quyết định bổ nhiệm mà không phải thực

hiện quy trình nhân sự theo quy định; trường hợp bổ nhiệm giữ chức vụ cao hơn thì phải thực hiện quy trình nhân sự như bổ nhiệm từ nguồn nhân sự ở nơi khác theo quy định tại Khoản 2, Điều này.

3. Các chức danh do Thường trực Đảng ủy quyết định:

Thực hiện quy trình nhân sự như đối với chức danh diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý.

4. Đối với nhân sự cơ quan thuộc ngành dọc quản lý:

Thực hiện quy trình bổ nhiệm theo quy định của cơ quan ngành dọc cấp trên và Quy định này để báo cáo Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, cho ý kiến bổ nhiệm.

Cơ quan, đơn vị làm tờ trình, hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử gửi Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy tổng hợp trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, cho ý kiến.

5. Quy trình bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử cán bộ thuộc diện được phân cấp quản lý cho các cơ quan, ban, ngành xã

Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, căn cứ vào Phụ lục 5 Quy định này để áp dụng phù hợp với tình hình thực tiễn của từng cơ quan, ban, ngành.

6. Đối với các chức danh (chức vụ) cao hơn (theo Quy định 06-QĐ/TU, ngày 21/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy) chức danh chỉ định, giới thiệu tham gia cấp ủy theo cơ cấu thì không phải làm quy trình giới thiệu nhân sự 4 bước nêu tại Phụ lục 5 Quy định này.

Điều 38. Bổ sung các chức danh lãnh đạo cấp ủy, chính quyền và cấp ủy tổ chức đảng trực thuộc xã; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã; các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

1. Khi cần bổ sung cấp ủy viên còn thiếu so với số lượng quy định, trên cơ sở bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn, cơ cấu theo quy định, các chi bộ, đảng bộ chủ động làm quy trình giới thiệu nhân sự, đề nghị Thường trực Đảng ủy xem xét, chỉ định theo quy định mà không phải xin chủ trương.

Những nhân sự đã được đại hội giới thiệu vào danh sách bầu cử tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ cấp ủy nhưng kết quả đạt không quá 50% số phiếu bầu thì việc xem xét, bổ sung vào cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy cần đánh giá, cân nhắc kỹ về uy tín, năng lực, cơ cấu cụ thể và chỉ thực hiện sau đại hội ít nhất 12 tháng.

2. Khi cần bổ sung Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, các chức danh Bí thư, Phó Bí thư cấp ủy còn khuyết so với quy định phải báo cáo Thường trực Đảng ủy xã xin chủ trương và dự kiến nguồn nhân sự trước khi thực hiện quy trình nhân sự.

3. Khi cần kiện toàn Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Ủy viên UBKT các đảng ủy trực thuộc xã còn khuyết so với quy định, các đảng ủy chủ động thực hiện quy trình nhân sự và phải xin ý kiến của UBKT Đảng ủy về nhân sự trước khi bầu. Khi thay đổi Ủy viên UBKT các đảng ủy trực thuộc xã, các đảng ủy phải trao đổi, xin ý kiến bằng văn bản với UBKT Đảng ủy trước khi thực hiện quy trình công tác cán bộ; báo cáo Thường trực Đảng ủy (qua UBKT Đảng ủy) xem xét, chuẩn y.

Điều 39. Việc điều chỉnh cơ cấu cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy trong nhiệm kỳ

Trường hợp cần thiết phải tăng thêm cấp ủy viên, điều chỉnh cơ cấu cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy (không bao gồm cơ cấu cứng) khác với đề án nhân sự cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy đã được đại hội thông qua để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị, tình hình đội ngũ cán bộ, thì phải tổ chức hội nghị Ban Thường vụ, Ban Chấp hành để thảo luận, phân tích kỹ lưỡng, dân chủ, công khai, minh bạch, tạo sự đoàn kết, thống nhất cao và tiến hành biểu quyết bằng phiếu kín về cơ cấu cần điều chỉnh (phải đạt ít nhất trên 2/3 so với tổng số cấp ủy viên hoặc Ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy). Báo cáo Ban Thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp xem xét cho ý kiến trước khi thực hiện; đồng thời, chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 40. Về hiệp y khi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử các chức danh lãnh đạo, quản lý

1. Các cơ quan, đơn vị được tổ chức theo ngành dọc (xã không áp dụng đối với ngành dọc được tổ chức theo khu vực hoạt động trên nhiều xã, phường) phối hợp cung cấp thông tin nhân sự cần bổ sung theo văn bản xin ý kiến của ngành dọc cấp trên với Ban Thường vụ Đảng ủy xã khi có yêu cầu.

2. Trường hợp khi đề xuất xem xét, chuẩn y kết quả bầu cử theo điều lệ của tổ chức, nếu phát hiện nhân sự không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện hoặc thực hiện chưa đúng quy trình nhân sự, nguyên tắc bầu cử theo quy định, thì chủ động báo cáo cơ quan ngành dọc cấp trên để rà soát, thực hiện theo đúng quy định.

Chương V

BỔ NHIỆM LẠI, GIỚI THIỆU TÁI CỬ

Điều 41. Nguyên tắc, điều kiện xem xét bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Cán bộ khi hết thời hạn bổ nhiệm, hết nhiệm kỳ được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ; đáp ứng tiêu chuẩn chức danh bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Đủ sức khỏe để tiếp tục đảm nhiệm chức vụ.

3. Cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị kỷ luật trong nhiệm kỳ hoặc trong thời hạn giữ chức vụ; có thông tin về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đang, sẽ điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị xem xét, xử lý trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền, thì việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử thực hiện theo Điều 32 Quy định này.

4. Chậm nhất 90 ngày làm việc trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền phải thông báo để cán bộ chuẩn bị thủ tục bổ nhiệm lại theo quy định.

5. Cán bộ sau khi được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vì một trong các lý do: Sức khỏe không bảo đảm; uy tín giảm sút; không hoàn thành nhiệm vụ; vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật của Nhà nước,... thì cấp có thẩm quyền quyết định việc thay thế, cho thôi giữ chức, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, không chờ hết thời hạn giữ chức vụ, hết nhiệm kỳ công tác.

6. Việc bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử được tiến hành theo quy định của Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 42. Thẩm quyền quyết định bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Cấp nào ra quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử thì cấp đó thực hiện việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử.

2. Ban Thường vụ Đảng ủy ủy quyền cho Thường trực Đảng ủy xem xét bổ nhiệm lại đối với cán bộ cấp phó các cơ quan, ban, ngành và tương đương thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý.

Những trường hợp xét thấy không đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm lại phải báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định.

3. Việc bổ nhiệm lại đối với những cán bộ tính đến tuổi nghỉ hưu không còn đủ thời gian công tác 5 năm như sau:

- Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý còn từ 2 năm công tác trở lên thì phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại theo quy định.

- Trường hợp còn dưới 2 năm công tác thì người đứng đầu và tập thể lãnh đạo thảo luận, xem xét, nếu cán bộ còn đủ sức khỏe, uy tín, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ thì thống nhất biểu quyết (bằng phiếu kín), lập tờ trình gửi cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kéo dài thời hạn giữ chức vụ cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định mà không phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại.

4. Cán bộ không được bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc bố trí công tác khác theo nguyên tắc không được bố trí chức vụ tương đương, quan trọng hơn hoặc cao hơn.

Điều 43. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Cán bộ làm báo cáo tự đánh giá, nhận xét việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ.

2. Tập thể cán bộ chủ chốt địa phương, cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến và bỏ phiếu tín nhiệm (bằng phiếu kín) đối với nhân sự được đề nghị bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử (thành phần tham dự tương tự như hội nghị cán bộ chủ chốt trong bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử).

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ đánh giá, nhận xét và đề xuất việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử.

4. Trên cơ sở ý kiến đánh giá, nhận xét (bằng văn bản) của Ban Thường vụ Đảng ủy (đảng ủy, Chi ủy cơ quan đối với những nơi không có Ban Thường vụ); kết quả xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (nếu có) đối với nhân sự; tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị thảo luận, biểu quyết (bằng phiếu kín); thành phần như nêu tại mục 1, Phụ lục 5, Quy định này.

Nguyên tắc giới thiệu: Cán bộ được trên 50% số phiếu đồng ý so với tổng số người có mặt ở các hội nghị tập thể cán bộ chủ chốt và trên 50% số phiếu đồng ý so với tổng số người được triệu tập ở hội nghị tập thể lãnh đạo (nêu tại khoản 2, 4 Điều này) thì trình cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử; trường hợp số phiếu đạt tỉ lệ 50% (không quá bán) thì do người đứng đầu xem xét, quyết định; trường hợp cấp trưởng số phiếu đạt tỷ lệ 50% và trường hợp dưới 50% đồng ý thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Căn cứ kết quả bỏ phiếu giới thiệu tại Khoản 4 Điều này, tập thể lãnh đạo báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử theo quy định.

Chương VI

ĐIỀU ĐỘNG VÀ BIỆT PHÁI CÁN BỘ

Điều 44. Mục đích, yêu cầu điều động, biệt phái cán bộ

Việc điều động, biệt phái cán bộ phải căn cứ vào yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ nhằm phát huy, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ; góp phần khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ trong từng cơ quan, đơn vị; bảo đảm sự ổn định và phát triển của đội ngũ cán bộ.

Điều 45. Đối tượng, phạm vi và thẩm quyền quyết định điều động, biệt phái cán bộ

1. Đối tượng: Cán bộ lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

2. Phạm vi: Giữa các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

3. Thẩm quyền: Thực hiện theo quy định phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Đảng ủy.

Khi cần thiết Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định điều động, biệt phái cán bộ từ nơi khác về đảm nhận các chức vụ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý tại các cơ quan, đơn vị.

Điều 46. Quy trình điều động, biệt phái cán bộ

1. Điều động cán bộ

1.1. Căn cứ quy hoạch cán bộ, yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định điều động cán bộ thuộc phạm vi quản lý.

1.2. Quy trình điều động

Sau khi có chủ trương điều động cán bộ (đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý thực hiện việc xin chủ trương theo quy định tại Khoản 1, Điều 36, Quy định này), cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chỉ đạo cơ quan hoặc bộ phận tham mưu tổ chức, cán bộ tiến hành các bước sau:

a) Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ dự kiến điều động.

b) Bước 2: (1) Trao đổi, lấy ý kiến (*bằng văn bản*) của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động; lấy đánh giá, nhận xét của cơ quan, đơn vị và hoàn thiện hồ sơ nhân sự theo quy định. (2) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

c) Bước 3: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự và lập tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Biệt phái cán bộ

2.1. Căn cứ vào yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị xem xét việc biệt phái cán bộ thuộc phạm vi quản lý.

2.2. Thời gian biệt phái nhiều nhất là 3 năm; khi hết thời gian biệt phái thì Ban Thường vụ cấp ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cử cán bộ đi biệt phái đánh giá, nhận xét và xem xét, quyết định việc kết thúc hoặc gia hạn thời gian biệt phái đối với cán bộ.

2.3. Quy trình biệt phái:

Sau khi có chủ trương biệt phái cán bộ (đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thực hiện việc xin chủ trương theo quy định tại Khoản 1, Điều 36, Quy định này), cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chỉ đạo cơ quan hoặc bộ phận tham mưu tổ chức, cán bộ tiến hành các bước sau:

a) Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ biệt phái.

b) Bước 2: Gặp cán bộ để trao đổi về chủ trương biệt phái và yêu cầu nhiệm vụ cụ thể.

c) Bước 3: Trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 47. Chế độ, chính sách đối với cán bộ điều động, biệt phái

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để cán bộ được điều động, biệt phái sớm ổn định công tác và sinh hoạt.

2. Lãnh đạo UBND xã chỉ đạo các cơ quan chức năng căn cứ hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh để thực hiện chế độ, chính sách cụ thể đối với cán bộ điều động, biệt phái.

Chương VII CHO THÔI GIỮ CHỨC VỤ, TỪ CHỨC, MIỄN NHIỆM ĐỐI VỚI CÁN BỘ

Điều 48. Nguyên tắc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Kịp thời xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ khi có đủ căn cứ. Không thực hiện việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức đối với cán bộ thuộc trường hợp phải miễn nhiệm (trừ trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều 52).

2. Khuyến khích cán bộ tự nguyện thôi giữ chức vụ, từ chức khi không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, không còn đủ uy tín hoặc vi phạm chưa đến mức phải miễn nhiệm.

Điều 49. Căn cứ xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Đối với việc cho thôi giữ chức vụ

1.1. Chịu trách nhiệm người đứng đầu (trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc người đứng đầu có thời gian giữ chức vụ chưa đủ 1 năm) khi địa phương, cơ quan, đơn vị chỉ hoàn thành dưới 70% số chỉ tiêu, nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch trong năm hoặc không hoàn thành 05 chỉ tiêu kinh tế - xã hội cơ bản được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt: (1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế. (2) Thu ngân sách nhà nước. (3) Giải ngân vốn đầu tư công. (4) Thu nhập bình quân đầu người. (5) Giảm tỷ lệ hộ nghèo.

1.2. Chịu trách nhiệm (trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng) nếu kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao về xây dựng Đảng, xây dựng thể chế, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh,... theo đánh giá của cấp có thẩm quyền trong năm hoặc định kỳ của cá nhân hoặc cơ quan, đơn vị, địa phương

mà mình là người đứng đầu (hoặc cấp phó của người đứng đầu được phân công chỉ đạo trực tiếp) không đạt chỉ tiêu, kế hoạch theo quy định hoặc các quyết định, quy chế, quy định, đề án, chương trình, dự án quan trọng do cơ quan, đơn vị mình phụ trách chủ trì tham mưu, đề xuất ban hành mà cơ quan chức năng kết luận không hiệu quả hoặc có nguy cơ gây hậu quả xấu,...

1.3. Quan liêu, xa dân, không giải quyết kịp thời ý kiến, nguyện vọng, lợi ích, khiếu nại, tố cáo chính đáng, hợp pháp của Nhân dân, của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín cơ quan, đơn vị.

1.4. Chịu trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra điểm nóng phức tạp kéo dài liên quan đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây hậu quả nghiêm trọng.

1.5. Là người đứng đầu thiếu trách nhiệm, không kịp thời xử lý khi phát hiện cán bộ, đảng viên thuộc quyền quản lý trực tiếp vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Đối với việc từ chức

2.1. Cán bộ tự nguyện xin từ chức và được xem xét cho từ chức khi có một trong các căn cứ sau:

(1) Do bản thân nhận thấy hạn chế về năng lực lãnh đạo, quản lý hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

(2) Có trên 50% số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

(3) Vì lý do khác của cá nhân.

(4) Là người đứng đầu để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nghiêm trọng nhưng chưa đến mức phải xem xét, kỷ luật theo quy định.

(5) Trong nhiệm kỳ giữ chức vụ có 2 năm liên tiếp bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.

(6) Có hành vi vi phạm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín tổ chức, cá nhân.

(7) Để vợ, chồng, con vi phạm pháp luật của Nhà nước; sa vào tệ nạn xã hội và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị.

(8) Để người khác lợi dụng chức vụ, quyền hạn của bản thân để trục lợi và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây hậu quả rất nghiêm trọng, gây bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín cá nhân và tổ chức (trừ trường hợp bản thân không biết).

(9) Không dám làm, không dám chịu trách nhiệm, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây hậu quả rất nghiêm trọng, dư luận xấu, bức xúc trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Đối với trường hợp nêu tại tiết (2) nêu trên, nếu cán bộ không tự nguyện từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét cho thôi giữ chức vụ; đối với các trường hợp nêu tại tiết (4), (5), (6), (7), (8), (9) nêu trên, nếu cán bộ không tự nguyện từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét miễn nhiệm.

2.2. Những trường hợp không được từ chức:

(1) Đang đảm nhận nhiệm vụ liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia; nhiệm vụ trọng yếu, cơ mật, chưa hoàn thành nhiệm vụ mà cần tiếp tục đảm nhiệm nhiệm vụ do bản thân cán bộ đã thực hiện, nếu cán bộ từ chức sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiệm vụ mà đơn vị được giao.

(2) Đang trong thời gian chịu sự thanh tra, kiểm tra, điều tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

(3) Những trường hợp có đủ căn cứ miễn nhiệm nêu tại điểm 3.5, 3.6, 3.7, 3.8, 3.9 Khoản 3 Điều này.

3. Đối với việc miễn nhiệm

3.1. Bị kỷ luật cảnh cáo và bị cấp có thẩm quyền đánh giá năng lực hạn chế, uy tín giảm sút, không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ được giao.

3.2. Bị kỷ luật khiển trách liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao 2 lần trở lên trong một nhiệm kỳ hoặc thời hạn bổ nhiệm.

3.3. Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

3.4. Có 2 năm liên tiếp bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ (liên quan đến thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao).

3.5. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, gây bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác.

3.6. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng đến mức phải miễn nhiệm.

3.7. Là người đứng đầu để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gây hậu quả rất nghiêm trọng theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng chưa đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định.

3.8. Là người đứng đầu để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp xảy ra mâu thuẫn, mất đoàn kết nghiêm trọng theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

3.9. Vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến mức phải miễn nhiệm theo kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với các trường hợp tại điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, nếu cán bộ không tự nguyện xin từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Điều 50. Thẩm quyền, trách nhiệm cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo quy định thì có thẩm quyền xem xét quyết định cho cán bộ thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm.

2. Đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của cấp trên thì cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo báo cáo cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ đề xuất cấp có thẩm quyền cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm.

3. Cấp ủy, tập thể lãnh đạo, cơ quan, đơn vị cấp trên có quyền yêu cầu cấp dưới xem xét, thực hiện việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ khi có đủ căn cứ theo Quy định này.

Điều 51. Quy trình xem xét và hồ sơ cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Quy trình xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1.1. Về quy trình thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý

a) Khi có một trong các căn cứ xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm trong thời gian 10 ngày làm việc thì thực hiện như sau:

- Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy trao đổi với người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác về chủ trương để cán bộ thôi giữ chức vụ, từ chức hoặc miễn nhiệm.

- Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trao đổi với cán bộ trước khi báo cáo với tập thể Ban Thường vụ Đảng ủy cơ sở (Ban Chấp hành đối với nơi không có Ban Thường vụ), lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác xem xét, cho ý kiến và gửi văn bản báo cáo Thường trực, Ban Thường vụ Đảng ủy (qua Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy).

- Trên cơ sở ý kiến của cấp ủy, cơ quan, đơn vị, Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy lấy ý kiến (bằng văn bản) của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy và các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có liên quan; tổng hợp ý kiến các cơ quan trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định.

b) Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xã xem xét, quyết định việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm trong thời gian 10 ngày làm việc; trường hợp cần thiết vì lý do khách quan thì có thể kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

c) Căn cứ quyết định của Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xã, các cơ quan có liên quan thực hiện quy trình, thủ tục theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệ, quy chế hoạt động của từng tổ chức.

1.2. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ quy trình nêu trên, tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định.

2. Hồ sơ cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

2.1. Tờ trình của cơ quan, đơn vị; đơn xin từ chức của cán bộ đối với trường hợp từ chức.

2.2. Quyết định, kết luận, thông báo, ý kiến của cơ quan có thẩm quyền, biên bản hội nghị, báo cáo đề nghị của cơ quan sử dụng cán bộ và tài liệu có liên quan.

Điều 52. Bố trí, sử dụng đối với cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Đối với cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ

Cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ thì cấp có thẩm quyền căn cứ tình hình thực tế xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một bậc so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một bậc theo quy định) và không quan trọng hơn; sau ít nhất từ 12 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới nếu cán bộ được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương với chức danh đảm nhiệm khi cho thôi theo quy định.

2. Đối với cán bộ sau khi từ chức

2.1. Trường hợp cán bộ còn thời gian công tác dưới 05 năm thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí làm công tác chuyên môn (không làm công tác lãnh đạo, quản lý).

2.2. Trường hợp còn thời gian công tác từ 05 năm trở lên thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một bậc so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một bậc theo quy định); sau ít nhất 24 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới, nếu khắc phục tốt vi phạm, khuyết điểm, hạn chế, yếu kém (nếu có), được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương chức vụ đảm nhiệm khi từ chức theo quy định.

3. Đối với cán bộ bị sa thải sau khi bị miễn nhiệm

3.1. Cán bộ sau khi miễn nhiệm thì cấp có thẩm quyền xem xét bố trí làm công tác chuyên môn (không làm công tác lãnh đạo, quản lý); sau ít nhất từ 36 tháng công tác ở vị trí mới, nếu khắc phục tốt sai phạm, khuyết điểm, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo quy định.

3.2. Đối với các trường hợp nêu tại Điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, Khoản 3, Điều 49, nếu cán bộ tự nguyện xin từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một bậc so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một bậc theo quy định); sau ít nhất từ 24 tháng ở vị trí, chức vụ mới nếu khắc phục tốt các sai phạm, khuyết điểm, hạn chế, yếu kém được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chức danh tương đương với chức vụ đảm nhiệm khi miễn nhiệm theo quy định.

4. Nếu cán bộ sau khi thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm mà có nguyện vọng nghỉ công tác, nghỉ hưu thì được giải quyết chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

Chương VIII

THẨM QUYỀN CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TRONG VIỆC TẠM ĐÌNH CHỈ CÔNG TÁC ĐỐI VỚI CÁN BỘ CẤP DƯỚI

Điều 53. Phạm vi, đối tượng trong việc tạm đình chỉ công tác

1. Áp dụng đối với người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị (sau đây gọi tắt là người đứng đầu) tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý do Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định.

Việc tạm đình chỉ đối với các chức danh cấp ủy viên, đại biểu hội đồng nhân dân, Ủy viên Ủy ban MTTQ Việt Nam và Ủy viên Ban Chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều lệ của tổ chức.

3. Việc tạm đình chỉ công tác nhằm ngăn chặn kịp thời tác động tiêu cực, cản trở việc xem xét, xử lý vi phạm đối với cán bộ. Nghiêm cấm lợi dụng việc tạm đình chỉ công tác vì mục đích cá nhân.

4. Người đứng đầu khi đã có thông báo nghỉ hưu, nghỉ công tác chờ nghỉ hưu, chuyên công tác hoặc đang bị xem xét kỷ luật, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo phải báo cáo và được sự đồng ý của thường trực cấp ủy cấp trên trực tiếp (hoặc cấp ủy cấp trên trực tiếp đối với những nơi không có thường trực cấp ủy) trước khi thực hiện thẩm quyền tạm đình chỉ công tác.

5. Người đứng đầu xem xét kịp thời ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ theo quy định mà không cần tiến hành thảo luận và biểu quyết trong tập thể lãnh đạo.

Điều 54. Căn cứ xem xét tạm đình chỉ công tác

1. Căn cứ tạm đình chỉ công tác trong trường hợp cần thiết

1.1. Cán bộ có hành vi vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống gây ảnh hưởng tiêu cực, bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín tổ chức, cá nhân.

1.2. Cán bộ cố tình trì hoãn, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

1.3. Cán bộ có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong quá trình thực thi công vụ.

1.4. Cán bộ đang bị xem xét, xử lý kỷ luật mà cố ý trì hoãn, trốn tránh không thực hiện yêu cầu của cấp có thẩm quyền trong quá trình xem xét, xử lý vi phạm của bản thân hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn, ảnh hưởng của mình, của người khác để tác động, gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý.

1.5. Cán bộ bị kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức và đang trong thời gian chờ xem xét, xử lý chức vụ chính quyền mà nếu tiếp tục công tác sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị.

2. Căn cứ tạm đình chỉ công tác trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng

2.1. Cán bộ bị khởi tố bị can để phục vụ công tác điều tra.

2.2. Trong quá trình xem xét, xử lý hành vi vi phạm của cán bộ, có cơ sở xác định phải xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên hoặc xử lý bằng pháp luật hình sự mà cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án có văn bản đề nghị tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

Điều 55. Thẩm quyền, trách nhiệm trong việc tạm đình chỉ công tác

1. Thẩm quyền của người đứng đầu và quyền của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác

1.1. Thẩm quyền của người đứng đầu:

(1) Quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới theo Danh mục tại Phụ lục 6 khi có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 54. Trường

hợp chưa có trong Danh mục thì do người đứng đầu cấp có thẩm quyền bổ nhiệm và quản lý xem xét, quyết định tạm đình chỉ công tác.

Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý; các cơ quan, đơn vị thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định.

(2) Đề nghị cơ quan chức năng cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc ra quyết định tạm đình chỉ công tác hoặc yêu cầu cơ quan chức năng kiểm tra, xác minh làm rõ, xử lý vi phạm theo quy định.

(3) Yêu cầu cán bộ bị tạm đình chỉ công tác chấp hành các yêu cầu của cơ quan chức năng hoặc người có thẩm quyền để phục vụ công tác xác minh, làm rõ, xử lý vi phạm.

1.2. Quyền của cán bộ bị đình chỉ công tác:

(1) Có quyền đề nghị người đứng đầu xem xét lại quyết định tạm đình chỉ công tác nếu có căn cứ xác định việc tạm đình chỉ công tác không đúng quy định.

(2) Được khôi phục lại quyền, lợi ích hợp pháp của mình khi được cơ quan chức năng kết luận không vi phạm, không bị xử lý kỷ luật hoặc xử lý hình sự.

(3) Chế độ, chính sách đối với cán bộ bị tạm đình chỉ công tác được thực hiện như thời điểm chưa bị tạm đình chỉ công tác.

2. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong việc tạm đình chỉ công tác

2.1. Trách nhiệm của người đứng đầu:

(1) Kịp thời ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới khi có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 54 của Quy định này; hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác trong trường hợp không đúng quy định hoặc khi có kết luận không vi phạm, đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ.

(2) Chịu trách nhiệm về việc ra quyết định tạm đình chỉ công tác, hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác. Công bố quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định hủy bỏ tạm đình chỉ công tác trong cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác và gửi quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định hủy bỏ tạm đình chỉ công tác đến các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

(3) Khi hết thời hạn tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ, nếu có nhiều tình tiết phức tạp cần có thời gian tiếp tục xác minh, làm rõ vi phạm của cán bộ thì báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ trước khi gia hạn tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2.2. Trách nhiệm của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác:

(1) Chấp hành nghiêm quyết định tạm đình chỉ công tác.

(2) Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu có liên quan và chấp hành yêu cầu của người đứng đầu, cấp có thẩm quyền trong quá trình xác minh, làm rõ, xử lý vi phạm.

2.3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

Tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về công tác tham mưu, đề xuất, đề nghị và ra quyết định tạm đình chỉ công tác và thực hiện việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 56. Thời hạn, thủ tục, hồ sơ tạm đình chỉ công tác

1. Thời hạn tạm đình chỉ công tác

1.1. Thời hạn tạm đình chỉ công tác trong trường hợp cần thiết không quá 30 ngày làm việc, trường hợp phải gia hạn thì thời gian gia hạn tạm đình chỉ công tác tối đa không quá 30 ngày làm việc.

1.2. Thời hạn tạm đình chỉ công tác trong trường hợp khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước thực hiện theo văn bản đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, thi hành án.

1.3. Quyết định tạm đình chỉ công tác đương nhiên hết hiệu lực thi hành khi hết thời hạn tạm đình chỉ công tác.

2. Thủ tục tạm đình chỉ công tác

2.1. Khi xác định có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 54, chậm nhất sau 02 ngày làm việc, cơ quan tổ chức cán bộ có trách nhiệm tham mưu người đứng đầu ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2.2. Chậm nhất sau 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề xuất của cơ quan tổ chức cán bộ, người đứng đầu ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2.3. Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày có đủ cơ sở để hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác thì người đứng đầu ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2.4. Quyết định tạm đình chỉ công tác và quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác được gửi đến cán bộ bị tạm đình chỉ công tác, công bố trong cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ và gửi đến cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Quản lý hồ sơ

Quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định hủy bỏ tạm đình chỉ công tác và tài liệu liên quan phải lưu vào hồ sơ cán bộ, được quản lý, sử dụng theo quy định.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 57. Tổ chức thực hiện

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị căn cứ Quy định này thực hiện đảm bảo đúng thẩm quyền, trách nhiệm, nội dung quản lý cán bộ; quy trình, thủ tục quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử, điều động, biệt phái, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm,

đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ trong diện được phân cấp quản lý (cả đương chức và nghỉ hưu) và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện của cấp dưới.

2. Thường trực HĐND, tập thể lãnh đạo UBND xã có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với Quy định này.

3. Đối với việc giới thiệu nhân sự đại hội đảng bộ các cấp và bầu cử đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp thực hiện theo quy định riêng của Trung ương và của tỉnh.

4. Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này.

Điều 58. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (b/c),
- Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND xã,
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể xã,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc xã,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã,
- Lưu VPĐU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Tạ Thị Dung